

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 04-6-2019
V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia đình
về ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Vân Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thái Kim Thành

Bà Trần Thị Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 274/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2019 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Cẩm T, sinh năm: 1994; Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh “Vắng mặt”.

- Bị đơn: Anh Lê Văn Q, sinh năm: 1988; Địa chỉ: ấp X, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh “Vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 11-4-2019 và qua các lần làm việc, nguyên đơn chị Lê Thị Cẩm T trình bày: Chị và chồng là anh Lê Văn Q chung sống với nhau vào năm 2017, hôn nhân tự nguyện, có tìm hiểu, có tổ chức cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Ngày cưới gia đình chồng cho chị 01 đôi bông 01 chỉ, 01 sợi dây 02 chỉ tất cả vàng 24K, mẹ ruột chị cho 01 dây chuyền 2,5 chỉ vàng 18K, số nữ trang này hiện mẹ chồng chị là bà Nguyễn Thị G đang giữ. Sau cưới vợ chồng chung với gia đình chồng cho đến khi ly thân.

Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Phương V, sinh ngày 17-7-2018, hiện đang sống với chị.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là 03 chỉ vàng 24K nữ trang ngày cưới gia đình chồng cho, mẹ chồng chị đang giữ.

Về tài sản riêng: Mẹ chồng chị đang giữ 2,5 chỉ vàng 18K do gia đình chị cho riêng chị trong ngày cưới.

Về nợ chung: Không có.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 7-2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chồng chị không lo cho vợ con, còn ham chơi cờ bạc, làm ra bao nhiêu tiêu xài hết bấy nhiêu, chị khuyên chồng chị không nghe mà còn chửi bới chị. Ngoài ra, giữa chị và mẹ chồng không hòa thuận do mẹ chồng chị luôn khó khăn và hay chửi bóng gió chị. Chị bỏ về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 9-2018 đến nay, lúc đầu chồng chị có đến thăm, nhưng từ tháng 02-2019 đến nay thì không đến nữa, vợ chồng cũng không gặp nhau để bàn việc đoàn tụ. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với chồng chị là anh Q.

Về con chung: Chị yêu cầu được tiếp tục trông nom chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục và không yêu cầu chồng chị có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản riêng: Theo đơn khởi kiện chị yêu cầu mẹ chồng chị là bà Nguyễn Thị G có nghĩa vụ trả cho chị 2,5 chỉ vàng 18K. Ngày 14-5-2019, chị rút yêu cầu khởi kiện, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết số tài sản này.

Về nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07-5-2019, bị đơn anh Lê Văn Q trình bày: anh chấp nhận theo lời trình bày của vợ anh về thời gian vợ chồng chung sống, việc vợ chồng chung sống không có đăng ký kết hôn và về con chung.

Theo anh vợ chồng chung sống không có tài sản chung và nợ chung.

Về mâu thuẫn: Giữa vợ chồng không có mâu thuẫn gì, vợ anh cũng không có mâu thuẫn gì với cha mẹ anh. Anh không hiểu lý do tại sao vợ anh đem con về nhà cha mẹ vợ sống, không nói gì với anh cũng không nói gì với cha mẹ anh. Sau này anh được biết do gia đình bên vợ muốn vợ anh lấy chồng Trung Quốc nên vợ anh mới ly hôn với anh. Nay vợ anh muốn làm gì thì làm anh không có ý kiến.

Nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh ly hôn thì về con chung anh chấp nhận giao vợ anh được tiếp tục nuôi con, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng theo pháp luật tố tụng dân sự. Đối với ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận chị T và anh Q là vợ chồng. Ghi nhận sự thỏa thuận của anh chị về con chung, tài sản chung và nợ chung. Đình chỉ yêu cầu

khởi kiện của chị T đối với yêu cầu bà Nguyễn Thị G có nghĩa vụ trả cho chị tài sản riêng là 2,5 chỉ vàng 18K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Theo đơn khởi kiện chị Lê Thị Cẩm T yêu cầu mẹ chồng là bà Nguyễn Thị G có nghĩa vụ trả cho chị 2,5 chỉ vàng 18K là tài sản riêng của chị được cha mẹ chị cho trong ngày cưới. Ngày 14-5-2019, chị rút yêu cầu khởi kiện. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đưa bà G vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đồng thời, đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị T là phù hợp với các điều 68, 217, 218 và 219 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt các đương sự tại phiên tòa là phù hợp với khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: chị T và anh Q chung sống từ năm 2017, trước đó có tìm hiểu, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Khi chung sống anh chị có đủ điều kiện kết hôn, nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, nên hôn nhân của anh chị không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay chị T yêu cầu ly hôn, anh Q không có ý kiến về việc có chấp nhận yêu cầu ly hôn hay không. Trường hợp của anh chị Tòa án không xem xét mâu thuẫn để chấp nhận việc ly hôn hay không, mà cần tuyên bố không công nhận quan hệ giữa anh chị là vợ chồng là phù hợp với các điều 14 và 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh chị thống nhất giao cháu Lê Phương V, sinh ngày 17-7-2018 cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng, anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con. Sự thỏa thuận của anh chị phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Chị T trình bày vợ chồng có tài sản chung là nữ trang ngày cưới, anh Q khai vợ chồng không có tài sản chung. Tuy nhiên, anh chị đều không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3] Về nợ chung: Anh chị không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Chị T chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 68, 217, 218, 219 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 9, 14, 53, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Tuyên bố: Không công nhận chị Lê Thị Cẩm T và anh Lê Văn Q là vợ chồng.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

- Về con chung: Giao cháu Lê Phương V, sinh ngày 17-7-2018 cho chị Lê Thị Cẩm T được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Lê Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con

Anh Lê Văn Q có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Cẩm T đối với yêu cầu bà Nguyễn Thị G có nghĩa vụ trả chị 2,5 chỉ vàng 18K. Chị Lê Thị Cẩm T được quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu mà Tòa án đã đình chỉ.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị Cẩm T nộp 300.000 đồng. Ghi nhận chị T đã nộp 675.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009027 ngày 11-4-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu nên được khấu trừ. Chị T được hoàn trả số tiền chênh lệch là 375.000 đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC THADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Vân Quỳnh